

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO KHỐI NGÀNH KINH TẾ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ

Lê Anh Thư¹, Đỗ Hữu Nghị^{1}, Đỗ Hoàng Vân¹*

Email: dhnghi@ctec.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/06/2025

Ngày phản biện đánh giá: 04/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1094

Tóm tắt: Mục tiêu trọng tâm của bài báo là làm sáng tỏ các nhân tố chi phối chất lượng đào tạo tại khối ngành kinh tế của CTEC. Qua quá trình khảo sát thực tế 380 sinh viên - học sinh và giảng viên, nghiên cứu đã chứng minh được vai trò then chốt của “Chất lượng giảng viên”, “Cơ sở vật chất” và “Chương trình đào tạo”. Kết quả phân tích thứ bậc tác động cho thấy việc tập trung cải thiện năng lực giảng dạy và hiện đại hóa trang thiết bị là những ưu tiên hàng đầu, do đây là hai nhân tố có hệ số hồi quy cao nhất trong mô hình nghiên cứu.

Từ khóa: chất lượng, đào tạo, giảng viên, cao đẳng, sinh viên, kinh tế

I. Đặt vấn đề

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ (CTEC) luôn thực hiện lấy ý kiến sinh viên - học sinh (HSSV) về chất lượng đào tạo (CLĐT) của trường sau mỗi học kỳ và kết thúc khóa học nhưng chỉ dừng lại ở việc đánh giá của HSSV về chất lượng giảng dạy của giảng viên, mục tiêu chương trình đào tạo (ĐT), quản lý và phục vụ ĐT, sinh hoạt và đời sống của HSSV, v.v. chưa đánh giá chất lượng đối với các thành phần khác của quá trình cung cấp dịch vụ ĐT, các thành phần hỗ trợ quá trình truyền đạt kiến thức như các phòng chức năng, các hoạt động quản lý của các khoa chuyên ngành, thư viện, phòng thí

nghiệm, phòng máy tính, phòng y tế trong khi các thành phần này đều có ảnh hưởng không nhỏ đến CLĐT của trường. Khối ngành KT của CTEC là một trong những khối ngành có sinh viên - học sinh theo học đông nhất trong tất cả các khối ngành đào tạo của CTEC, trong những năm qua chất lượng đào tạo của khối ngành kinh tế từng bước được cải thiện và có một số ngành khẳng định được thương hiệu nhưng trong thời gian gần đây, số lượng các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn TP. Cần Thơ có đào tạo ngành kinh tế ngày càng nhiều nên tạo áp lực cạnh tranh giữa các trường đối với ngành kinh tế ngày càng lớn, do đó đề nâng cao khả năng cạnh tranh và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của HSSV thì chất

¹ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ

* Tác giả liên hệ

lượng đào tạo của khối ngành kinh tế của CTEC cần được thường xuyên đánh giá về CLĐT. Do đó, việc xác định đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng đến CLĐT thông qua nghiên cứu *“Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo khối ngành kinh tế của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ”* là bước đi tất yếu nhằm nâng mức khả năng cạnh tranh và đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của người học.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Các khái niệm

Đào tạo là một quá trình hoạt động có mục tiêu, có tổ chức nhằm truyền đạt kiến thức, kỹ năng và thái độ cho người học. Trong bối cảnh giáo dục nghề nghiệp, đào tạo không chỉ là truyền thụ lý thuyết mà còn là quá trình hình thành năng lực thực hành chuyên môn thông qua sự tương tác giữa giảng viên, người học và các điều kiện hỗ trợ như phòng thí nghiệm, thực hành.

Chất lượng đào tạo là một khái niệm đa chiều, được đánh giá dựa trên mức độ đáp ứng mục tiêu đào tạo và sự hài lòng của các bên liên quan. Trong nghiên cứu này, Chất lượng đào tạo được tiếp cận dưới góc độ chất lượng dịch vụ giáo dục, đo lường thông qua cảm nhận thực tế của người học về quá trình cung cấp dịch vụ tại trường.

2.2. Nghiên cứu trong nước

Nguyễn và cộng sự (2012) đã thực hiện nghiên cứu *“Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng đào tạo ngành du lịch của các trường đại học ở khu vực Đồng bằng Sông cửu long”*. Nghiên cứu khẳng định CLĐT chuyên ngành du lịch tại khu vực “ĐBSCL” được đo lường hiệu quả qua 4 nhóm nhân tố cốt lõi. Trong đó, “Mức

độ tương tác của giảng viên” thể hiện vị thế ưu tiên với khả năng giải thích mạnh nhất cho sự biến thiên về mức độ hài lòng của sinh viên. Các nhân tố tiếp theo góp phần củng cố mô hình bao gồm việc cải thiện “Điều kiện thực tập”, bồi dưỡng vốn “Kiến thức xã hội” và “Nâng cao kỹ năng ngoại ngữ”. Sự kết hợp giữa các yếu tố này tạo nên nền tảng vững chắc cho việc nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng đào tạo chuyên ngành du lịch của các trường đại học ở khu vực ĐBSCL.

Huỳnh và Nguyễn (2012) đã thực hiện nghiên cứu *“Chất lượng đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh trường Đại học Cần Thơ: Kết quả khảo sát đánh giá từ sinh viên ngành Quản trị kinh doanh”*. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến CLĐT ngành QTKD là nhóm nhân tố như “Đảm bảo tiến độ giảng dạy”, “Môi trường học tập” và “Tín nhiệm về giảng viên” được sinh viên tham gia khảo sát đánh giá hài lòng. Tuy nhiên, đối với các nhóm nhân tố về “Năng lực”, “Đáp ứng” và “Cơ sở vật chất”, sinh viên tham gia khảo sát chỉ thể hiện mức độ tạm hài lòng của họ.

Phạm và cộng sự (2012) đã thực hiện nghiên cứu *“Kiểm định thang đo chất lượng dịch vụ đào tạo đại học trường hợp nghiên cứu tại các trường đại học tư thực khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long”*. Kết quả nghiên cứu đã xác định thang đo CLDV trong đào tạo đại học gồm 5 thành phần như “Phương tiện hữu hình”, “Sự đáp ứng”, “Sự đảm bảo”, “Sự tin cậy” và “Sự cảm thông” với 24 biến quan sát. “Kết quả nghiên cứu cung cấp mô hình lý thuyết về thang đo đánh giá chất lượng dịch vụ giáo dục đại học tư thực cho các nghiên

cứ tiếp theo, đồng thời cung cấp cơ sở cho việc đánh giá CLDV trong ĐT của các trường đại học tư thục khu vực ĐBSCL”.

Đỗ (2011) đã thực hiện nghiên cứu “*Các nhân tố của chất lượng dịch vụ đào tạo ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của học viên tại các trường trung cấp chuyên nghiệp: Địa bàn tỉnh Đồng Nai*”. Nghiên cứu sử dụng mô hình “SERVPERF” để đo lường mức độ hài lòng của học viên tại các trường trung cấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố như “Giảng viên”, “Môi trường học tập”, “Phương tiện hữu hình” và “Nhân viên làm việc” tại các phòng chức năng, đều có ảnh hưởng đến sự hài lòng của học viên của các trường trung cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Các nghiên cứu trong nước đã xây dựng được hệ thống thang đo đa dạng để đánh giá chất lượng đào tạo và sự hài lòng của người học tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh lân cận. Các tác giả như Nguyễn và cộng sự (2012) hay Huỳnh và Nguyễn (2012) đã chỉ ra vai trò quan trọng của sự tương tác giữa giảng viên, môi trường học tập và các kỹ năng hỗ trợ. Điểm chung của các nghiên cứu này là tập trung vào bậc Đại học hoặc các ngành đặc thù như Du lịch, Quản trị kinh doanh. Tuy nhiên, việc đánh giá CLĐT tại các trường Cao đẳng chuyên biệt về Kinh tế - Kỹ thuật với đối tượng người học đa dạng (bao gồm cả hệ Trung cấp và Cao đẳng) như tại CTEC vẫn chưa được thực hiện một cách chuyên sâu. Đặc biệt, các nghiên cứu trước đây thường tập trung vào sự hài lòng chung mà chưa đi sâu vào các thành phần hỗ trợ cụ thể như phòng chức năng, thư viện, y tế... vốn là những yếu tố đang bị bỏ ngỏ trong công tác đánh giá định kỳ tại CTEC.

2.3. Nghiên cứu nước ngoài

Asaduzzaman và Rahman (2013) đã thực hiện nghiên cứu “*Service quality and student satisfaction: a case study on private universities in Bangladesh*” được công bố trên tạp chí *International Journal of Economics, Finance and Management Sciences*. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhân tố “Phương tiện hữu hình”, “Sự đáp ứng”, “Uy tín giảng viên” và “Sự tin cậy” có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự hài lòng của SV đối với CLDV ĐT của các trường đại học tư nhân tại Bangladesh.

Ijaz và cộng sự (2011), đã thực hiện nghiên cứu “*An empirical model of student satisfaction: case of pakistani public sector business schools*” được công bố trên tạp chí *Journal of Quality and Technology Management*. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, các nhân tố như “Phương tiện hữu hình”, “Hợp tác và hỗ trợ”, “Sự đáp ứng”, “Uy tín giảng viên” và “Sự tin cậy” có tác động tích cực đáng kể đến CLDV và dẫn đến HALO của SV.

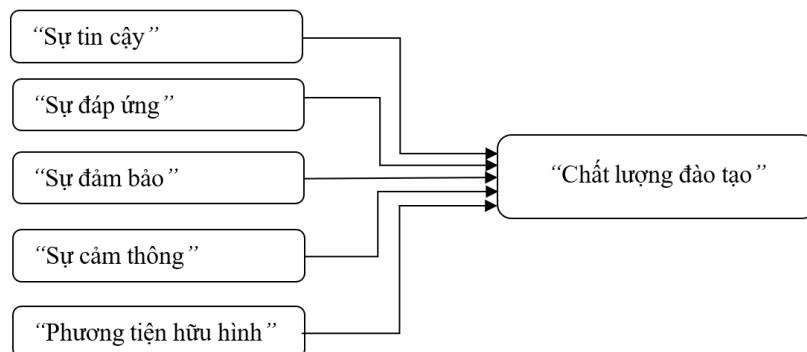
Hasan và cộng sự (2008), thực hiện nghiên cứu “*Service Quality and Student Satisfaction: A Case Study at Private Higher Education Institutions*” công bố trên tạp chí *International business Research*. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, CLDV có mối quan hệ tích cực đáng kể với sự hài lòng của SV, trong đó nhân tố “Sự cảm thông” và “Sự đảm bảo” CLDV là yếu tố quan trọng nhất trong việc giải thích sự HALO của sinh viên.

Các nghiên cứu quốc tế (Asaduzzaman & Rahman, 2013; Ijaz & cộng sự, 2011; Hasan & cộng sự, 2008) đã khẳng định tính hữu hiệu của mô hình SERVPERF và các thành phần như “Sự cảm thông”, “Sự đảm bảo”, “Phương tiện hữu hình” trong việc đo lường chất lượng

dịch vụ giáo dục. Kết quả cho thấy mối quan hệ tích cực và chặt chẽ giữa chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của sinh viên tại các quốc gia đang phát triển. Mặc dù các mô hình quốc tế cung cấp nền tảng lý thuyết vững chắc, nhưng chúng được thực hiện trong bối cảnh các trường Đại học tư thục hoặc trường kinh doanh tại Bangladesh, Pakistan, nơi có sự khác biệt lớn về môi trường văn hóa và hệ thống giáo dục so với Việt Nam. Khoảng trống đặt ra là cần có sự điều chỉnh và hiệu chỉnh thang đo để phù hợp với đặc thù đào tạo nghề nghiệp và áp lực cạnh tranh thực tế giữa các trường cao đẳng tại địa bàn TP. Cần Thơ hiện nay.

2.4. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Việc lựa chọn SERVPERF dựa trên việc tổng hợp lý thuyết nền tảng và kế thừa kết quả từ các công trình nghiên cứu trong



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

2.5. Thang đo

Thang đo được sử dụng trong bảng câu hỏi là thang đo nhiều lựa chọn, thang đo Likert. Thang đo đo lường của các thành phần có 43 biến quan sát. Trong đó, các thành phần như “Sự tin cậy” có 10 “biến quan sát”, “Sự đáp ứng” có 6 “biến quan sát”, “Sự cảm thông” có 9 “biến quan sát”, “Sự đảm bảo” có 8 “biến quan sát”, “Phương tiện hữu hình” có 10 “biến quan sát”, “Sự hài lòng” chung có 4 “biến quan sát”.

và ngoài nước. Tính phù hợp của mô hình SERVPERF trong nghiên cứu này không chỉ dừng lại ở lý thuyết mà đã được minh chứng qua các chỉ số định lượng cụ thể. Kế thừa kết quả từ những công trình nghiên cứu đi trước, tác giả đề xuất sử dụng khung lý thuyết SERVPERF làm cơ sở. Tuy nhiên, các biến số và thang đo ban đầu đã được điều chỉnh, bổ sung nhằm đảm bảo tính tương thích tối đa với bối cảnh giáo dục và địa bàn nghiên cứu thực tế tại CTEC.

$$CLĐT = \beta_0 + \beta_1 SUTC + \beta_2 SUĐU + \beta_3 SUĐB + \beta_4 SUCT + \beta_5 HUHI$$

Trong đó:

SUTC - “Sự tin cậy”

SUCT - “Sự cảm thông”

SUĐU - “Sự đáp ứng”

HUHI - “Phương tiện hữu hình”

SUĐB - “Sự đảm bảo”

CLĐT - “Chất lượng đào tạo”

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sơ cấp

“Số liệu sơ cấp được tiến hành bằng phỏng vấn trực tiếp và gửi phiếu khảo sát đến tác nhân nghiên cứu là sinh viên - học sinh và giảng viên”.

Mẫu nghiên cứu

Thông qua khảo sát thực tế địa bàn nghiên cứu, nghiên cứu định tính và

kết hợp với tham vấn ý kiến của một số chuyên gia, mẫu nghiên cứu sẽ được chọn theo cơ cấu như sau:

Bảng 1. Cơ cấu mẫu nghiên cứu

Khoa	Sinh viên - Học sinh		Giảng viên
	Trung cấp	Cao đẳng	
1. Quản trị kinh doanh	20	110	7
2. Kế toán	33	100	4
3. Tài chính - Ngân hàng	-	90	13
4. Chính trị - Pháp luật	-	-	3
Tổng	53	300	27

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra

3.2. Phương pháp phân tích số liệu

“Các phương pháp phân tích được sử dụng trong bài nghiên cứu: thống kê mô tả, kiểm định Cronbach’s alpha, phân tích nhân tố khám phá, phân tích hồi quy đa biến”.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kiểm định độ tin cậy thang đo

Để đánh giá tính nhất quán và độ tin cậy của các thang đo đo lường các yếu tố tác động đến sự hài lòng của sinh

viên - học sinh và giảng viên, nghiên cứu tiến hành kiểm định thông qua hệ số Cronbach’s Alpha. Theo tiêu chuẩn của Peterson (1994), những thang đo có giá trị Cronbach’s Alpha dưới 0,6 sẽ không đủ điều kiện để giữ lại trong mô hình. Song song đó, các biến quan sát đơn lẻ cần đạt hệ số tương quan biến tổng từ 0,3 trở lên; những biến không thỏa mãn điều kiện này (biến rác) sẽ bị loại bỏ để tối ưu hóa thang đo theo khuyến nghị của Nunnally và Burnstein (1994).

Bảng 2. Kiểm định độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach’s Alpha

Stt	Thang đo	Hệ số Cronbach’s Alpha
1	“Sự tin cậy”	0,811
2	“Sự đáp ứng”	0,813
3	“Sự cảm thông”	0,857
4	“Sự đảm bảo”	0,895
5	“Phương tiện hữu hình”	0,887

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra

Kết quả kiểm định “cho thấy các thang đo đo lường 5 nhân tố đều đạt độ tin cậy nội tại rất tốt, với hệ số Cronbach’s Alpha dao động trong khoảng từ 0,8 đến dưới 1,0”. Bên cạnh đó, tất cả 40 “biến quan sát” đều thỏa mãn điều kiện về “giá trị hội tụ” khi có hệ số “tương quan biến tổng” (Item-total Correlation) vượt ngưỡng 0,3. Do đó, toàn bộ các biến này được giữ lại để tiếp tục thực hiện bước phân tích nhân tố khám phá (EFA) tiếp theo.

4.2. Phân tích nhân tố khám phá

Quy trình phân tích nhân tố khám phá (EFA) được triển khai qua hai giai đoạn cụ thể. Đầu tiên, toàn bộ 40 biến quan sát được đưa vào kiểm định với tiêu chí trị số Eigenvalue lớn hơn 1 và ngưỡng hệ số tải nhân tố (factor loading) tối thiểu là 0,5. Tại bước này, chỉ số KMO đạt 0,924 (vượt mức 0,5) cho thấy dữ liệu hoàn toàn phù hợp để phân tích nhân tố. Thông qua

phép xoay Varimax, nghiên cứu đã rút trích được 7 nhân tố với tổng phương sai trích là 63,635%, giải thích tốt sự biến thiên của dữ liệu. Tuy nhiên, có 9 biến không thỏa mãn hệ số tải nhân tố (tincay3, tincay6, dapung12, dapung14, dapung13, dapung15, dapung16, camthong18, huuhinh38) nên đã bị loại bỏ. Sang giai đoạn hai, 31 biến quan sát còn lại được tái phân tích để đảm bảo tính hội tụ và giá trị phân biệt. Sau khi cấu trúc nhân tố ổn định, các nhóm nhân tố mới được định danh lại dựa trên đặc điểm của các biến thành phần nhằm chuẩn bị cơ sở dữ liệu cho phân tích hồi quy tiếp theo

Mô hình hiệu chỉnh

Qua kết quả phân tích nhân tố cho thấy, thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của khối ngành kinh tế

4.3. Phân tích hồi quy đa biến

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Tên biến	Hệ số hồi quy chưa được chuẩn hóa	Hệ số hồi quy được chuẩn hóa	Sig.	VIF
Hằng số	0,206	-	0,185	-
F1: “Chất lượng giảng viên”	0,379	0,385	0,000***	1,809
F2: “Cơ sở vật chất”	0,221	0,255	0,000***	1,873
F3: “Quản lý”	0,046	0,050	0,273	1,876
F4: “Sự tin cậy”	0,049	0,052	0,233	1,709
F5: “Công trình hỗ trợ”	0,050	0,055	0,245	1,977
F6: “Chương trình đào tạo”	0,143	0,151	0,000***	1,637
F7: “Kỹ năng mềm”	0,032	0,040	0,342	1,556
Hệ số xác định R ²	58,40%			
Sig. của kiểm định F	0,000			
Hệ số d của kiểm định Durbin-Watson	1,793			

***, **, *: Mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra

Dựa trên kết quả phân tích hồi quy đa biến, trong số 7 nhân tố dự kiến ban đầu, có 3 biến độc lập (F1, F2, F6) đạt ý nghĩa thống kê ở mức 1%, trong khi các biến còn lại (F3, F4, F5, F7) không cho thấy tác động rõ rệt. Mô hình đạt độ phù

hợp khá tốt với hệ số xác định R² hiệu chỉnh bằng 58,40%, phản ánh rằng các biến độc lập trong mô hình có thể giải thích được hơn một nửa sự biến thiên về mức độ hài lòng của HSSV và GV đối với CLĐT. Giá trị Sig. của kiểm định F xấp

ban đầu được xác định lại có 7 nhân tố. Do đó, mô hình nghiên cứu được điều chỉnh lại. Trong đó, chất lượng đào tạo là biến phụ thuộc và các biến độc lập là các nhân tố qua kết quả phân tích nhân tố như F1, F2, F3, F4, F5, F6, F7.

Chất lượng đào tạo (CLĐT) = f(F1, F2, F3, F4, F5, F6, F7)

Trong đó: CLĐT là biến phụ thuộc và F1, F2, F3, F4, F5, F6, F7 là biến độc lập.

F1: “Chất lượng giảng viên”

F2: “Cơ sở vật chất”

F3: “Quản lý”

F4: “Sự tin cậy”

F5: “Công trình hỗ trợ”

F6: “Chương trình đào tạo”

F7: “Kỹ năng mềm”

xi 0,00 nhỏ hơn mức ý nghĩa 1%, khẳng định mô hình hồi quy có ý nghĩa về mặt thống kê tổng quát. Đồng thời, các giả định về hiện tượng đa cộng tuyến và tự tương quan đều không bị vi phạm khi hệ số VIF đều nhỏ hơn 10 và chỉ số Durbin-Watson đạt 1,793. Cụ thể hơn, ba nhân tố đóng góp tích cực vào chất lượng đào tạo bao gồm: “Chất lượng giảng viên”, “Cơ sở vật chất” và “Chương trình đào tạo”. Trong đó, “Chất lượng giảng viên” có tác động mạnh nhất ($\beta = 0,385$), theo sau là “Cơ sở vật chất” ($\beta = 0,255$) và cuối cùng là “Chương trình đào tạo” ($\beta = 0,151$). Từ kết quả phân tích, phương trình hồi quy tuyến tính đa biến có thể viết như sau:

$$\begin{aligned} \text{“Chất lượng đào tạo”} &= 0,206 + \\ &0,379^{***} \cdot \text{“Chất lượng giảng viên”} \\ &+ 0,221^{***} \cdot \text{“Cơ sở vật chất”} + \\ &0,046 \cdot \text{“Quản lý”} + 0,049 \cdot \text{“Sự tin cậy”} + 0,050 \cdot \text{“Công trình hỗ trợ”} + \\ &0,143^{***} \cdot \text{“Chương trình đào tạo”} + \\ &0,032 \cdot \text{“Kỹ năng mềm”} \end{aligned}$$

Như vậy, khi Chất lượng giảng viên của các khoa chuyên ngành thuộc khối ngành kinh tế được tăng lên tương xứng với mức độ đầu tư cho CSVC phục vụ cho việc giảng dạy, học tập của GV, HSSV và CTĐT của các ngành ĐT trong các khoa thuộc khối ngành kinh tế đạt chất lượng tốt, thường xuyên được cập nhật, hiệu chỉnh, nâng cấp, đáp ứng tốt cho nhu cầu công việc của các nhà tuyển dụng và sinh viên - học sinh sau khi ra trường thì chất lượng đào tạo của khối ngành kinh tế tại CTEC sẽ được nâng cao.

V. Kết luận và kiến nghị

Thông qua quá trình khảo sát và phân tích, mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo kinh tế tại CTEC đã được hiện thực hóa. Mô hình nghiên cứu xác nhận sự hiện diện của ba

nhân tố có ý nghĩa thống kê là “Chất lượng giảng viên”, “Cơ sở vật chất” và “Chương trình đào tạo”, tất cả đều tỉ lệ thuận với chất lượng đầu ra. Đặc biệt, mức độ ảnh hưởng lớn nhất thuộc về yếu tố con người (giảng viên) và môi trường học tập (cơ sở vật chất). Đây là căn cứ quan trọng để các cấp quản lý tại CTEC xây dựng chiến lược ưu tiên, tập trung cải thiện các chỉ số thành phần của ba nhân tố này nhằm đạt được những tiến bộ thực chất trong đào tạo.

Dựa trên các kết quả trên, nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị sau:

(1) Giải pháp nâng cao chất lượng giảng viên: Nhà trường, khoa chuyên ngành nên thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để giảng viên có thể trao đổi kinh nghiệm giảng dạy như thực hiện các seminar (sinh hoạt chuyên đề, hội thảo). Các buổi sinh hoạt chuyên đề này sẽ đáp ứng được tính hiệu quả nếu có thêm sự tham dự của các chuyên gia đầu ngành. Nhà trường, khoa chuyên ngành nên khuyến khích giảng viên tham gia các hội thảo về phương pháp giảng dạy đại học do các chuyên gia thực hiện

(2) Giải pháp nâng cao cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy: Nhà trường, khoa chuyên ngành nên đầu tư, xây dựng các phòng thực hành, thực tập phù hợp với từng ngành học. Thông qua các phòng thực hành, thực tập này sinh viên - học sinh có thể mô phỏng công việc thực tế mà sinh viên - học sinh sẽ thực hiện trong tương lai khi ra trường. Nhà trường, khoa chuyên ngành nên tiến hành đưa sinh viên - học sinh đi kiến tập, thực tập, tham quan tại các cơ sở, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực có liên quan trực tiếp, gián tiếp với ngành học.

(3) Để hoàn thiện nội dung đào tạo, nhà trường cần chú trọng tính khoa học và

sự gắn kết logic giữa các học phần. Việc xây dựng chương trình không nên chỉ thực hiện nội bộ mà cần có sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là khối doanh nghiệp - đơn vị trực tiếp sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo. Cần thiết lập cơ chế hợp tác chặt chẽ trong việc biên soạn giáo trình và khung chương trình thông qua các diễn đàn, hội thảo lấy ý kiến. Đây là kênh thông tin thực tiễn quan trọng giúp nhà trường cập nhật kịp thời những đòi hỏi khắt khe của thị trường về cả kỹ năng chuyên môn lẫn thái độ đạo đức của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Asaduzzaman, M. H., & Rahman, M. (2013). Service quality and student satisfaction: a case study on private universities in Bangladesh. *International Journal of Economics, Finance and Management Sciences*, 1(3), 128-135.
- [2]. Đỗ, Đ. B. L. (2011). *Các nhân tố của chất lượng dịch vụ đào tạo ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của học viên tại các trường trung cấp chuyên nghiệp: Địa bàn tỉnh Đồng Nai*. Luận văn Thạc sỹ. Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- [3]. Hasan, H. F. A., Ilias, A., Rahman, R. A., & Razak, M. Z. A. (2008). Service Quality and Student Satisfaction: A Case Study at Private Higher Education Institutions. *International business Research*, 1(3).
- [4]. Huỳnh, T. H., & Nguyễn, N. K.. (2012). *Chất lượng đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh trường Đại học Cần Thơ: Kết quả khảo sát đánh giá từ sinh viên ngành Quản trị kinh doanh*. Kỷ yếu Khoa học 2012: 246-257 . Đại học Cần Thơ.
- [5]. Ijaz, S. M. I., Shahbaz, M. A., & Sabir, M. (2011). An empirical model of student satisfaction: case of pakistani public sector business schools. *Journal of Quality and Technology Management, Volume VII*, Issue II, Page 91 - 114.
- [6]. Ilias, A., Hasan, H. F. A., Rahman, R. A., & Yaso, M. R. b. (2008). Student satisfaction and service quality: Any differences in demographic factors?. *International Business Research*, 1(4), 131-143.
- [7]. Nguyễn, Q. N., Nguyễn, T. B. C., & Phạm, N. G. (2012). Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng đào tạo ngành du lịch của các trường đại học ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 22b, 265-272.
- [8]. Nunnally, J. & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric Theory*, 3ed., New York: McGraw-Hill.
- [9]. Peterson, R. A. (1994). A Meta-Analysis of Cronbach's Coefficient Alpha. *Journal of Consumer Research*, No. 21, Vol.2.
- [10]. Phạm, L. H. N., Đinh, C. T., Nguyễn, K. V., & Lê, T. H. V. (2012). *Kiểm định thang đo chất lượng dịch vụ đào tạo đại học trường hợp nghiên cứu tại các trường đại học tư thục khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long*. Kỷ yếu Khoa học 2012, 203-213. Đại học Cần Thơ.

AN ANALYSIS OF FACTORS INFLUENCING TRAINING QUALITY IN THE ECONOMIC SECTOR AT CAN THO TECHNICAL ECONOMIC COLLEGE

Le Anh Thu¹, Do Huu Nghi^{1}, Do Hoang Van¹*

Abstract: *The objective of this study is to identify the factors affecting the quality of training for the economic sector majors at Can Tho Technical Economic College. The research was conducted using 380 survey responses, with the main subjects being students, pupils, and lecturers of Can Tho Technical Economic College. The research results indicate that three factors significantly influence the quality of training for the economic sector majors: Lecturer Quality, Physical Facilities, and Curriculum. The factors, in descending order of their impact on the quality of training for the economic sector majors, are “Lecturer Quality”, “Physical Facilities”, and “Curriculum”.*

Keywords: *quality, training, lecturer, college, student, economics*

¹ Can Tho Technical Economic College

* Corresponding author